TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40 /2017/HNGĐ-ST
Ngày 12/9/2017
V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhiễu.

2. Ông Phạm Đức Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2017/QĐXX-ST ngày 25 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Trần Thị Hải A**, sinh năm 1982

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: **Anh Bùi Công T**, sinh năm 1976.

Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Hiên đang chấp hành án tại Trại tạm gian- Công an tỉnh Thái Bình.

(Chị A có mặt, anh T vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

3. Người làm chứng: Ông Trần Đình L, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*/ Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/8/2017, bản tự khai và tài liệu, chứng cứ đã xuất trình và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Hải A trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Công T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 14/11/2000. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị và anh T bất đồng quan điểm sống với nhau dẫn đến thường xuyên bất hòa, cuộc sống chung không có hạnh phúc và anh T mắc nghiện ma túy. Từ năm 2012, chị sang Đài Loan để lao động kinh tế, anh T đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và bị kết án 03 năm tù. Anh T sau khi chấp hành án xong, đã trở về và có làm đơn khởi kiện xin ly hôn chị nhưng tại thời điểm đó, chị không có nhà nên anh T từ bỏ việc khởi kiện. Từ đầu năm 2017 anh T lại bị bắt giam về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Anh T đã bị Tòa án nhân dân Thành phố Thái Bình kết án 02 năm tù và hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam công an tỉnh Thái Bình. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Bùi Trần Minh T, sinh ngày 02/5/2003. Sau khi ly hôn, chị xin nuôi con. Hiện tại cháu T đang ở với chị và ông bà ngoại. Hiện tại chị đang làm thẩm mỹ viện, thu nhập 10.000.000 đồng/tháng. Chị có đủ điều kiện kinh tế và gia đình phụ giúp để chăm lo cho việc học hành cũng như sinh hoạt của cháu. Chị không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay ai tài sản gì nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

*/ Tại văn bản ghi ý kiến ngày 22/8/2017 anh T trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn đúng như chị Hải A đã trình bày. Sau khi anh và chị Hải A kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh ở thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Hải A không tin tưởng anh, vợ chồng vì thế mà cãi chửi nhau. Anh bị bắt giữ về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy", chị Hải A biết việc này nhưng cũng không đến thăm nom anh lần nào, không quan tâm gì đến anh. Nay chị Hải A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh, anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung như chị Hải A trình bày. Sau khi ly hôn, anh xin nuôi con và không yêu cầu chị Hải A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng anh không có tài sản gì và cũng không nợ ai, cho ai vay tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*/ Tại bản tự khai của cháu Bùi Trần Minh T, sinh ngày 02/5/2003 thể hiện: Hiện tại cháu đang ở với mẹ và ông bà ngoại ở Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Mẹ cháu và ông bà ngoại chăm sóc cho cháu đảm bảo mọi quyền lợi cho cháu từ việc sinh hoạt đến học hành. Nguyện vọng của cháu nếu bố mẹ ly hôn cháu xin được ở với mẹ.

*/ Người làm chứng là ông Trần Đình L (Bố đẻ chị Hải A) trình bày: Thời gian vợ chồng chị Hải A chung sống cùng nhau anh chị thường xuyên cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống. Ngoài ra, anh T còn không tu chí làm ăn, bỏ vợ con vào miền Nam sinh sống 02 năm sau đó mới quay về. Đến năm 2013, anh T mắc nghiện ma túy. Gia đình hai bên đã động viên khuyên bảo anh T nhưng anh T không thay đổi nên đã bị kết án về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vợ chồng anh chị không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Về con chung: Cháu Bùi Trần Minh T thường xuyên ở với gia đình ông và chị A, gia đình ông và chị A chăm sóc cho cháu chu đáo, đảm bảo mọi điều kiện ăn ở sinh hoạt cho cháu, ly hôn đề nghị Tòa án giao cháu T cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn hiện đang chấp hành án, không có mặt để làm việc trực tiếp tại Tòa án nhưng đã tự viết bản tự khai tại văn bản ghi ý kiến thể hiện quan điểm về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung và tài sản. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147, 227, 228; 235 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị xử cho chị Hải A và anh T được ly hôn. Về con chung: Giao cho chị Hải A trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Trần Minh T. Chấp nhận việc chị Hải A tự nguyện không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản không đặt ra giải quyết.

Chị Hải A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh T hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam công an tỉnh Thái Bình, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Bùi Công T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hải A và anh T là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống với nhau, không tìm được tiếng nói chung và anh T bị nghiện ma túy nên vợ chồng không tin tưởng nhau dẫn đến cãi chửi nhau. Hiện nay, chị Hải A và anh T cũng không mong muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau. Tòa nhận thấy mâu thuẫn giữa chị Hải A và anh T là có thật, vợ chồng không thể đoàn tụ cùng nhau được nữa nên cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Hải A và anh T được ly hôn.

[4] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có có 01 con chung là Bùi Trần Minh T, sinh ngày 02/5/2003. Sau khi ly hôn, chị Hải A và anh T đều có nguyện vọng xin nuôi con. Cháu T đang ở với chị Hải A cùng ông bà ngoại và có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Chị Hải A cũng có đủ điều kiện về kinh tế để chăm lo cho việc học hành cũng như sinh hoạt của cháu. Vì vậy, cần giao con chung là cháu Bùi Trần Minh T cho chị Hải A trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của chị Hải A và cháu T là phù hợp. Chấp nhận việc chị Hải A không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về quan hệ tài sản: Chị Hải A, anh T đều trình bày: Vợ chồng không có tài sản gì và cũng không nợ ai, cho ai vay tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Hải A phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 147; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Trần Thị Hải A về anh Bùi Công T được ly hôn.

2. Về quan hệ con chung:

Giao cho chị Trần Thị Hải A trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Trần Minh T, sinh ngày 02/5/2003. Chấp nhận việc chị Hải A không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm nom, giáo dục, chăm sóc con chung. Chị Hải A, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị Hải A về anh Bùi Công T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị Trần Thị Hải A phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Hải A đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 002720 ngày 17/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sang thành án phí.

Chị Trần Thị Hải A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 12/9/2017.

Anh Bùi Công T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Vũ Thư;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.*
- *Chi cục THA huyện Vũ Thư;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương